



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-27
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**

Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800281102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06 tháng 10 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Công Hiến	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Sơn	Ủy viên
Ông Trần Đăng Lợi	Ủy viên
Ông Đặng Văn Huệ	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Văn Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban
Ông Trịnh Quốc Hiệp	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngân	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

**TM. Ban Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Đặng Văn Hiếu**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 được lập ngày 17 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ nợ phải thu và nợ phải trả, trong đó chủ yếu bao gồm là các khoản công nợ với các chủ đầu tư, đối tượng, chủ nhiệm công trình đang được trình bày tại các khoản mục: "Phải thu khách hàng" số tiền 111,7 tỷ đồng, "Tạm ứng" số tiền 156,1 tỷ đồng, "Phải trả người bán" số tiền 337,9 tỷ đồng, "Phải thu khác" số tiền 11,1 tỷ đồng. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể khẳng định tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản nợ phải thu, phải trả này, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản phải thu, phải trả chưa được đối chiếu nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Do chưa đối chiếu được các khoản nợ phải thu và đánh giá lại các khoản nợ quá hạn, cũng như đánh giá giá trị hợp lý của giá trị sản phẩm dở dang nên chúng tôi không thể ước tính được ảnh hưởng của việc chưa trích lập dự phòng của các khoản mục này đến Báo cáo tài chính.

3. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đang trình bày tại khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 304,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, khối lượng dở dang đã đối chiếu theo Báo cáo kiểm kê của Công ty là 125,9 tỷ đồng, số còn lại chưa được kiểm kê, đối chiếu. Do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi có chứng từ phát sinh và được thanh quyết toán khi công trình hoàn thành bàn giao với các đội trưởng, chủ nhiệm công trình. Mặt khác, nợ phải thu, phải trả với các đội trưởng, chủ nhiệm công trình đang trình bày tại khoản mục "Tạm ứng" và "Phải trả người bán" nêu trên chưa được đối chiếu, xác nhận và các công trình vẫn đang trong quá trình thanh quyết toán với chủ đầu tư, chưa có bất kỳ điều chỉnh nào (có thể có) liên quan đến giá trị quyết toán công trình. Điều này dẫn đến việc Công ty có thể phải ghi nhận khoản lỗ trong tương lai hay không, phụ thuộc vào kết quả công tác đối chiếu, xác nhận công nợ với các đội trưởng, chủ nhiệm công trình cũng như giá trị quyết toán được các bên có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, lỗ lũy kế của Công ty là 57,7 tỷ đồng và các vấn đề liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nêu trên, đã dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục hỗ trợ từ phía các cổ đông của Công ty, do vậy Công ty vẫn lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng chắc chắn về tình hình hoạt động liên tục của Công ty do các yếu tố nêu trên.

#### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

**Bùi Thanh Cương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2066-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>565.917.370.658</b>	<b>569.865.045.860</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.270.611.722	551.581.899
111	1. Tiền		1.270.611.722	551.581.899
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		8.696.000.000	8.696.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(8.696.000.000)	(8.696.000.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.176.597.398	110.251.511.970
131	1. Phải thu của khách hàng		111.776.845.224	111.385.616.268
132	2. Trả trước cho người bán		812.950.657	4.785.389.785
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		251.362.161	466.217.172
135	5. Các khoản phải thu khác	5	11.093.698.442	10.372.547.831
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.758.259.086)	(16.758.259.086)
140	IV. Hàng tồn kho	6	300.506.054.828	356.623.333.561
141	1. Hàng tồn kho		304.142.747.000	360.260.025.733
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.636.692.172)	(3.636.692.172)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		156.964.106.710	102.438.618.430
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	167.410.623	167.410.623
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	156.796.696.087	102.271.207.807
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.054.470.604</b>	<b>23.036.399.855</b>
220	II. Tài sản cố định		4.062.320.604	18.980.334.403
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.062.320.604	18.980.334.403
222	- Nguyên giá		17.998.851.236	49.752.347.002
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.936.530.632)	(30.772.012.599)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	3.963.950.000	3.963.950.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		3.963.950.000	3.963.950.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		28.200.000	92.115.452
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	28.200.000	92.115.452
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>573.971.841.262</b>	<b>592.901.445.715</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**

Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>506.197.739.929</b>	<b>505.347.879.920</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>505.697.739.929</b>	<b>502.366.218.656</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	105.880.235.588	130.387.689.313
312	2. Phải trả người bán		337.857.796.173	270.760.792.745
313	3. Người mua trả tiền trước		18.274.359.648	72.760.410.335
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	18.499.753.831	9.086.631.408
315	5. Phải trả người lao động		12.464.554.839	9.285.396.339
316	6. Chi phí phải trả	14	4.181.841.786	1.883.841.786
317	7. Phải trả nội bộ		613.844.246	80.908.005
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	7.767.312.327	7.962.507.234
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		158.041.491	158.041.491
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>500.000.000</b>	<b>2.981.661.264</b>
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	500.000.000	2.981.661.264
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>67.774.101.333</b>	<b>87.553.565.795</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>67.774.101.333</b>	<b>87.553.565.795</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		83.998.890.000	83.998.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		23.426.417.500	23.426.417.500
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		15.915.811.490	15.915.811.490
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.177.632.356	2.177.632.356
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(57.744.650.013)	(37.965.185.551)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>573.971.841.262</b>	<b>592.901.445.715</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập



Trần Thị Hương Lan

Phụ trách kế toán



Trần Ngọc Sơn

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	195.535.163.365	189.245.748.373
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		195.535.163.365	189.245.748.373
11	4. Giá vốn hàng bán	19	195.019.814.118	178.264.730.476
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		515.349.247	10.981.017.897
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	611.027.580	567.610.470
22	7. Chi phí tài chính	21	18.456.331.116	24.319.196.152
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.456.331.116	24.319.196.152
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.123.355.831	5.451.099.290
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.453.310.120)	(18.221.667.075)
31	11. Thu nhập khác	23	14.191.165.927	8.878.850.661
32	12. Chi phí khác	24	11.517.320.269	869.478.394
40	13. Lợi nhuận khác		2.673.845.658	8.009.372.267
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(19.779.464.462)	(10.212.294.808)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.779.464.462)	(10.212.294.808)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(2.355)	(1.216)

Người lập

Trần Thị Hương Lan

Phụ trách kế toán

Trần Ngọc Sơn

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(19.779.464.462)	(10.212.294.808)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.706.293.600	5.185.260.672
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.034.873.238)	(7.963.132.985)
06	- Chi phí lãi vay		18.456.331.116	24.319.196.152
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(651.712.984)	11.329.029.031
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(50.996.289.954)	(28.744.467.267)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		56.117.278.733	20.552.181.558
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.382.643.882	(4.508.409.863)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		63.915.452	1.300.598.445
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(2.903.428.357)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	138.130.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(759.883.824)	(69.218.664)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.155.951.305	(2.905.585.117)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		13.941.165.927	8.210.000.909
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		611.027.580	12.658.470
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.552.193.507	8.222.659.379
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		640.000.000	5.687.589.520
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(27.629.114.989)	(10.608.942.002)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.155.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.989.114.989)	(4.924.508.082)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		719.029.823	392.566.180

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		551.581.899	159.015.719
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.270.611.722</u>	<u>551.581.899</u>

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Trần Thị Hương Lan

Trần Ngọc Sơn

Đặng Văn Hiếu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2013*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800281102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06 tháng 10 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 83.998.890.000 đồng; tương đương 8.399.889 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Kinh doanh bất động sản, xuất khẩu lao động;
- Trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất cấu kiện bê tông xây dựng, lắp đặt các loại máy móc thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ xi măng, sắt thép, clinke);
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, văn hóa và du lịch;
- Xây lắp công trình cấp thoát nước và nhà máy nước;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế 500KVA.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**2.9 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.12 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### **2.13 . Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

### **2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.15 . Các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	39.816.417	44.173.679
Tiền gửi ngân hàng	1.230.795.305	507.408.220
	<b>1.270.611.722</b>	<b>551.581.899</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	8.696.000.000	8.696.000.000
- Cho vay Công ty CP Vật tư ngành nước	8.696.000.000	8.696.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.696.000.000)	(8.696.000.000)
	-	-

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về tiền lãi vay Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	1.672.615.094	1.672.615.094
Phải thu các đội xây dựng về tiền lãi vay, tiền BHXH và thuế	7.715.004.332	7.960.720.578
Phải thu khác	1.706.079.016	739.212.159
	<b>11.093.698.442</b>	<b>10.372.547.831</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.190.611	40.190.611
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	304.102.556.389	360.219.835.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.636.692.172)	(3.636.692.172)
	<b>300.506.054.828</b>	<b>356.623.333.561</b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	165.935.123	165.935.123
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	1.475.500	1.475.500
	<b>167.410.623</b>	<b>167.410.623</b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	156.096.696.087	102.271.207.807
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	700.000.000	-
	<b>156.796.696.087</b>	<b>102.271.207.807</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**

Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2013	32.988.355.424	16.418.450.334	345.541.244	49.752.347.002
Thanh lý, nhượng bán	(16.373.020.422)	(14.979.830.694)	-	(31.352.851.116)
Điều chỉnh theo TT45/2013	(198.142.424)	(12.377.272)	(190.124.954)	(400.644.650)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>16.417.192.578</b>	<b>1.426.242.368</b>	<b>155.416.290</b>	<b>17.998.851.236</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2013	21.774.271.703	8.653.494.468	344.246.428	30.772.012.599
Trích khấu hao	2.817.193.874	887.804.912	1.294.814	3.706.293.600
Thanh lý, nhượng bán	(11.238.113.783)	(8.903.017.133)	-	(20.141.130.916)
Điều chỉnh theo TT45/2013	(198.142.425)	(12.377.272)	(190.124.954)	(400.644.651)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>13.155.209.369</b>	<b>625.904.975</b>	<b>155.416.288</b>	<b>13.936.530.632</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2013	11.214.083.721	7.764.955.866	1.294.816	18.980.334.403
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>3.261.983.209</b>	<b>800.337.393</b>	<b>2</b>	<b>4.062.320.604</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.513.379.231 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>3.963.950.000</b>	<b>3.963.950.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 11.1	3.963.950.000	3.963.950.000
	<b><u>3.963.950.000</u></b>	<b><u>3.963.950.000</u></b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 11.1	Tỉnh Hải Dương	40,00%	40,00%	Xây dựng công trình, sản xuất cấu kiện bê tông

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	92.115.452	1.392.713.897
Tăng	28.200.000	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(92.115.452)	(1.300.598.445)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>28.200.000</u></b>	<b><u>92.115.452</u></b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	28.200.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	92.115.452
	<b><u>28.200.000</u></b>	<b><u>92.115.452</u></b>

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>100.380.235.588</b>	<b>116.017.265.143</b>
Vay ngân hàng	85.620.822.555	89.380.561.505
Vay đối tượng khác	14.539.413.033	26.436.703.638
Vay cá nhân	220.000.000	200.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>14.370.424.170</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	5.500.000.000	14.370.424.170
(Xem thuyết minh 16)		
	<b><u>105.880.235.588</u></b>	<b><u>130.387.689.313</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương (1)	38.424.810.420	39.496.930.141
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Nam Thăng Long (2)	12.863.035.820	14.550.625.340
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm (3)	34.332.976.315	35.333.006.024
Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (4)	248.960.168	548.960.168
Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam (Vinaconex) (5)	9.290.452.865	20.887.743.470
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (6)	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Chu Văn Thống	-	200.000.000
Bà Vũ Thị Ngân	190.000.000	-
Bà Trần Thị Hương Lan	30.000.000	-
	<b>100.380.235.588</b>	<b>116.017.265.143</b>

**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương	-	10.870.424.170
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Thăng Long	5.500.000.000	3.500.000.000
	<b>5.500.000.000</b>	<b>14.370.424.170</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng hạn mức số 070127/NHNTHD ngày 05 tháng 07 năm 2007 và các Biên bản sửa đổi bổ sung với hạn mức cho vay là 85 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần vay vốn; mục đích vay để thanh toán tiền vật tư, nguyên vật liệu, tiền lương, và các chi phí khác cho việc thi công các công trình đang thi công; lãi suất cho vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ theo thông báo của ngân hàng.
- (2) Bao gồm các hợp đồng tín dụng với thời hạn vay không quá 12 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền vật tư, nhận công, chi phí thuê máy và các chi phí khác phục vụ thi công công trình. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,5%. Cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐCTD/10047 ngày 26 tháng 7 năm 2010 với hạn mức cho vay là 40 tỷ, thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay quy định từng lần nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/HĐTDNH/NEDI2-VINACONEX11 ngày 10/4/2008 với hạn mức cho vay là 5 tỷ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay là 15%/năm. Đảm bảo tiền vay bằng thế chấp quyền đòi nợ từ giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành trong tương lai.
- (5) Bao gồm các khế ước vay vốn với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, lãi suất vay từ 12%/năm đến 13%/năm.
- (6) Hợp đồng vay vốn số 05/HĐVV ngày 01 tháng 7 năm 2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 3 tháng kể từ ngày nhận vốn vay, lãi suất cho vay là 14%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	18.499.753.831	9.086.631.408
	<b>18.499.753.831</b>	<b>9.086.631.408</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê văn phòng	1.783.945.953	1.783.945.953
Trích trước chi phí công trình trường Tiểu học Suối Hoa	2.298.000.000	-
Chi phí phải trả khác	99.895.833	99.895.833
	<b>4.181.841.786</b>	<b>1.883.841.786</b>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	984.110.364	865.596.049
Bảo hiểm xã hội	4.032.986.812	3.893.272.126
Bảo hiểm y tế	800.764.605	766.337.525
Bảo hiểm thất nghiệp	347.834.795	333.138.093
Phải trả về cổ phần hoá	23.100.000	23.100.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	704.338.290	704.338.290
Tạm ứng cho đội thi công	-	466.630.741
Phải trả, phải nộp khác	874.177.461	910.094.410
	<b>7.767.312.327</b>	<b>7.962.507.234</b>

**16 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	<b>500.000.000</b>	<b>2.981.661.264</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương	-	481.661.264
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Thăng Long (1)	500.000.000	2.500.000.000
	<b>500.000.000</b>	<b>2.981.661.264</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTĐ/NTL - VC11 ngày 04 tháng 01 năm 2010 với thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để trang trải chi phí thuê dài hạn văn phòng làm việc. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4,5%/năm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2013 là 6.000.000.000 đồng; số dư gốc vay đến hạn trả là 5.500.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**

Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2012</b>						
Tại ngày 01/01/2012	83.998.890.000	23.426.417.500	15.915.811.490	2.177.632.356	(27.752.890.743)	97.765.860.603
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(10.212.294.808)	(10.212.294.808)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>83.998.890.000</b>	<b>23.426.417.500</b>	<b>15.915.811.490</b>	<b>2.177.632.356</b>	<b>(37.965.185.551)</b>	<b>87.553.565.795</b>
<b>Năm 2013</b>						
Tại ngày 01/01/2013	83.998.890.000	23.426.417.500	15.915.811.490	2.177.632.356	(37.965.185.551)	87.553.565.795
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(19.779.464.462)	(19.779.464.462)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>83.998.890.000</b>	<b>23.426.417.500</b>	<b>15.915.811.490</b>	<b>2.177.632.356</b>	<b>(57.744.650.013)</b>	<b>67.774.101.333</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013		01/01/2013		Tỷ lệ	
	VND	(%)	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000.000	30,36%	25.500.000.000	30,36%	25.500.000.000	30,36%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	17.000.000.000	20,24%	17.000.000.000	20,24%	17.000.000.000	20,24%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	8.500.000.000	10,12%	8.500.000.000	10,12%	8.500.000.000	10,12%
Các cổ đông khác	32.998.890.000	39,28%	32.998.890.000	39,28%	32.998.890.000	39,28%
	<b>83.998.890.000</b>	<b>100%</b>	<b>83.998.890.000</b>	<b>100%</b>	<b>83.998.890.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	83.998.890.000	83.998.890.000
- Vốn góp đầu năm	83.998.890.000	83.998.890.000
- Vốn góp cuối năm	83.998.890.000	83.998.890.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.399.889	8.399.889
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.399.889	8.399.889
- Cổ phiếu phổ thông	8.399.889	8.399.889
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.399.889	8.399.889
- Cổ phiếu phổ thông	8.399.889	8.399.889
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.915.811.490	15.915.811.490
Quỹ dự phòng tài chính	2.177.632.356	2.177.632.356
	<b>18.093.443.846</b>	<b>18.093.443.846</b>
<b>18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	195.535.163.365	184.379.594.749
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	4.866.153.624
	<b>195.535.163.365</b>	<b>189.245.748.373</b>
<b>19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	195.019.814.118	173.781.743.411
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	4.482.987.065
	<b>195.019.814.118</b>	<b>178.264.730.476</b>
<b>20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	16.435.580	12.658.470
Cổ tức, lợi nhuận được chia	594.592.000	554.952.000
	<b>611.027.580</b>	<b>567.610.470</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.456.331.116	24.319.196.152
	<b><u>18.456.331.116</u></b>	<b><u>24.319.196.152</u></b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	-	42.755.685
Chi phí nhân công	3.363.256.339	4.111.502.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.861.914	137.527.547
Thuế, phí, lệ phí	41.639.406	36.247.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	776.734.209	554.589.787
Chi phí khác bằng tiền	833.863.963	568.476.168
	<b><u>5.123.355.831</u></b>	<b><u>5.451.099.290</u></b>

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	13.941.165.927	8.265.000.909
Thu nhập khác	250.000.000	613.849.752
	<b><u>14.191.165.927</u></b>	<b><u>8.878.850.661</u></b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	11.517.320.269	814.478.394
Chi phí khác	-	55.000.000
	<b><u>11.517.320.269</u></b>	<b><u>869.478.394</u></b>

**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19.779.464.462)	(10.212.294.808)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(594.592.000)	(554.952.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(594.592.000)	(554.952.000)
Tổng thu nhập tính thuế	(20.374.056.462)	(10.767.246.808)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(19.779.464.462)	(10.212.294.808)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(19.779.464.462)	(10.212.294.808)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.399.889	8.399.889
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.355)</b>	<b>(1.216)</b>

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.270.611.722	-	551.581.899	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	122.870.543.666	(16.758.259.086)	121.758.164.099	(16.758.259.086)
Đầu tư ngắn hạn	8.696.000.000	(8.696.000.000)	8.696.000.000	(8.696.000.000)
	<b>132.837.155.388</b>	<b>(25.454.259.086)</b>	<b>131.005.745.998</b>	<b>(25.454.259.086)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	106.380.235.588	133.369.350.577
Phải trả người bán, phải trả khác	345.625.108.500	278.723.299.979
Chi phí phải trả	4.181.841.786	1.883.841.786
	<b>456.187.185.874</b>	<b>413.976.492.342</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.270.611.722	-	-	1.270.611.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	106.112.284.580	-	-	106.112.284.580
	<b>107.382.896.302</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>107.382.896.302</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	551.581.899	-	-	551.581.899
Phải thu khách hàng, phải thu khác	104.999.905.013	-	-	104.999.905.013
	<b>105.551.486.912</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>105.551.486.912</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	105.880.235.588	500.000.000	-	106.380.235.588
Phải trả người bán, phải trả khác	345.625.108.500	-	-	345.625.108.500
Chi phí phải trả	4.181.841.786	-	-	4.181.841.786
	<b>455.687.185.874</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>456.187.185.874</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	130.387.689.313	2.981.661.264	-	133.369.350.577
Phải trả người bán, phải trả khác	278.723.299.979	-	-	278.723.299.979
Chi phí phải trả	1.883.841.786	-	-	1.883.841.786
	<b>410.994.831.078</b>	<b>2.981.661.264</b>	<b>-</b>	<b>413.976.492.342</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu</b>			
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam	Tổng Công ty	10.582.856.581	74.943.508.434
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Thành viên TCT	-	162.069.968
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Thành viên TCT	249.000.000	715.500.000
Ban Điều Hành thi công giai đoạn 1 Dự án Khu Đô thị Bắc An Khánh	Thành viên TCT	27.275.340.089	-
Ban Quản lý dự án Nhà máy thủy điện Cửa Đạt	Thành viên TCT	9.440.262.735	-
Ban quản lý dự án đầu tư mở rộng đường Láng Hòa Lạc	Thành viên TCT	42.177.991.538	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 11.1	Công ty liên kết	49.954.545	-
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 11.1	Công ty liên kết	14.246.371.697	14.820.722.982

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, Khu ĐTM Trung Hòa,  
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Lãi vay vốn**

Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam	Tổng Công ty	253.650.725	1.717.205.790
---	--------------	-------------	---------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND

**Phải thu**

Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam	Tổng Công ty	26.810.312.165	40.305.139.889
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	Thành viên TCT	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Thành viên TCT	-	81.865.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	Thành viên TCT	1.673.947.969	36.658.513
Công ty Cổ phần Xây dựng số 10	Thành viên TCT	191.526.800	191.526.800
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Thành viên TCT	49.500.000	632.003.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	Thành viên TCT	5.616.000	5.616.000
Công ty Cổ phần vật tư ngành nước	Thành viên TCT	15.102.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 11.1	Công ty liên kết	2.118.160.318	466.217.172

**Phải trả tiền vay**

Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam	Tổng Công ty	9.290.452.865	20.887.743.470
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	Thành viên TCT	248.960.168	548.960.168
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Thành viên TCT	5.000.000.000	5.000.000.000

**Phải trả lãi vay**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	Thành viên TCT	397.055.556	397.055.556
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Thành viên TCT	3.745.948.489	2.993.984.836

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Người lập

Trần Thị Hương Lan

Phụ trách kế toán

Trần Ngọc Sơn

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

